

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 15/2008/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 12 năm 2008

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 06/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại

*Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;
Căn cứ Nghị định số 06/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại;*

Căn cứ Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính các hành vi đầu cơ, găm hàng, tăng giá quá mức, đưa tin thất thiệt, buôn lậu và gian lận thương mại.

Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 06/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại (sau đây gọi tắt là Nghị định số 06), như sau:

I. ÁP DỤNG MỘT SỐ ĐIỀU KHOẢN XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH

1. Hành vi vi phạm về giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 06

a) Hành vi kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 06 là kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh thường xuyên sử dụng 10 lao động trở lên mà không đăng ký thành lập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 170 Luật Doanh nghiệp năm 2005;

b) Các quy định xử phạt hành chính về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân là tổ chức kinh tế quy định tại Điều 10 Nghị định số 06 cũng được áp dụng để xử phạt hành chính đối với vi phạm về Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của thương nhân là tổ chức kinh tế tại các tỉnh, thành phố. Tổ chức kinh tế thuộc phạm vi áp dụng của Điều này theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 06;

c) Quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 06 chỉ áp dụng đối với các đối tượng là hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh. Các trường hợp không phải đăng ký kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 88 nói trên và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 39/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh thì không xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 06.

2. Hành vi vi phạm về hàng hóa cấm kinh doanh quy định tại Điều 18 Nghị định số 06

a) Vi phạm hành chính bị xử phạt theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 06 gồm các hành vi kinh doanh hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh và các hành vi cố ý vận chuyển, chứa chấp, cất giấu, giao nhận hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh. Quy định tại khoản 9 Điều 18 Nghị định số 06 chỉ áp dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản này mà không phải là người kinh doanh hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh. Nếu các đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 18 Nghị định số 06 là người kinh doanh hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh (chủ hàng) thì xử phạt hành chính theo quy định từ khoản 1 đến khoản 8 Điều 18 Nghị định số 06, không xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 9 Điều 18 Nghị định số 06;

b) Hàng hóa cấm kinh doanh thuộc phạm vi áp dụng Điều 18 Nghị định số 06 là những hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh ban hành kèm Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi

tiết thi hành Luật Thương mại năm 2005 về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

c) Trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh nói trên có một số loại hàng hóa như các chất ma túy, vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, hóa chất độc, văn hóa phẩm đồi trụy Bộ Luật hình sự năm 1999 đã quy định xử lý bằng biện pháp hình sự, do vậy các trường hợp này phải chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm cho cơ quan tố tụng hình sự có thẩm quyền để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 62 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

d) Các hành vi vi phạm về hàng hóa cấm kinh doanh khác (ngoài những hàng hóa nói trên) có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên thì xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính các hành vi đầu cơ, găm hàng, tăng giá quá mức, đưa tin thất thiệt, buôn lậu và gian lận thương mại (sau đây gọi tắt là Nghị định số 107). Mức tiền phạt tối đa của khung phạt tiền cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 107 được áp dụng xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm về hàng hóa cấm kinh doanh có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự là mức phạt tiền tối đa của khung phạt tiền quy định tại khoản 7 Điều 18 Nghị định số 06. Nếu hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 18 của Nghị định số 06 thì xử phạt gấp hai lần mức tiền phạt tối đa của khung phạt tiền cao nhất quy định tại khoản 7 Điều 18 Nghị định số 06. Ngoài hình thức xử phạt chính bằng tiền, hành vi vi phạm còn bị xử phạt theo các hình thức xử phạt bổ sung và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 10 Điều 18 Nghị định số 06;

đ) Việc định giá hàng hóa cấm kinh doanh để xác định mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 06 và hướng dẫn tại khoản 8 Mục I Thông tư này.

3. Hành vi vi phạm về hàng hóa lưu thông trong nước bị áp dụng biện pháp khẩn cấp quy định tại Điều 19 Nghị định số 06

Chỉ áp dụng Điều 19 Nghị định số 06 để xử phạt hành chính đối với hàng hóa là nguồn gốc hoặc phương tiện lây truyền các loại dịch bệnh hoặc khi xảy ra tình trạng khẩn cấp do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố việc áp dụng các biện pháp thu hồi, cấm lưu thông, tạm ngừng lưu thông, lưu thông có điều kiện hoặc phải có giấy phép theo quy định của pháp luật về bảo vệ sức khỏe nhân dân, pháp luật về thú y và pháp luật về kiểm dịch thực vật như quy định tại Điều 26 Luật Thương mại năm 2005.

4. Hành vi vi phạm về hàng hóa nhập lậu quy định tại Điều 22 Nghị định số 06

a) Hành vi vi phạm hành chính bị xử phạt theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 06 gồm hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu và các hành vi cố ý vận chuyển, chứa chấp, cất giấu, giao nhận hàng hóa nhập lậu. Quy định tại khoản 9 Điều 22 Nghị định số 06 chỉ áp dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản này mà không phải là người kinh doanh hàng hóa nhập lậu. Nếu các đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 22 Nghị định số 06 là người kinh doanh hàng hóa nhập lậu (chủ hàng) thì xử phạt hành chính theo quy định từ khoản 1 đến khoản 8 Điều 22 Nghị định số 06, không xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 9 Điều 22 Nghị định số 06;

b) Đối với hàng hóa nhập lậu thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh thì áp dụng Điều 18 Nghị định số 06 và hướng dẫn tại khoản 2 Mục I Thông tư này để xử phạt hành chính;

c) Trường hợp lô hàng nhập lậu vừa có hàng hóa thông thường vừa có hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu thì chỉ xử phạt về một hành vi vi phạm, nhưng khi tính mức phạt tiền phải xác định riêng giá trị của số hàng hóa cấm nhập khẩu để xử phạt gấp hai lần theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 22 Nghị định số 06, sau đó cộng số tiền phạt hàng hóa nhập lậu thông thường với số tiền phạt hàng hóa nhập lậu thuộc danh mục cấm nhập khẩu lại thành mức tiền phạt chung của hành vi vi phạm. Nếu đối tượng vi phạm hành chính là người trực tiếp thực hiện hành vi nhập lậu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng nhập khẩu qua biên giới thì áp dụng quy định tại Điều 33 Nghị định số 06 để xử phạt hành chính;

d) Việc định giá hàng hóa nhập lậu để xác định mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 06 và hướng dẫn tại khoản 8 Mục I Thông tư này;

đ) Các hành vi vi phạm về hàng hóa nhập lậu có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên thì xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 107. Mức tiền phạt tối đa của khung phạt tiền cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 107 được áp dụng xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm về hàng hóa nhập lậu có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự là mức phạt tiền tối đa của khung phạt tiền quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định số 06. Nếu hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 22 Nghị định số 06 thì xử phạt gấp hai lần mức tiền phạt tối đa của khung phạt tiền cao nhất quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định số 06. Ngoài hình thức xử phạt chính bằng tiền, hành vi vi phạm còn bị xử phạt theo các hình thức xử phạt bổ sung và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 10 Điều 22 Nghị định số 06.

5. Hành vi vi phạm về nhãn hàng hóa quy định tại Điều 23 Nghị định số 06

a) Hành vi vi phạm hành chính bị xử phạt theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06 gồm các hành vi kinh doanh hàng hóa vi phạm về nhãn hàng hóa. Mỗi hành vi vi phạm về nhãn hàng hóa đều bị xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06. Trường hợp trên một hàng hóa hoặc lô hàng có những vi phạm về nhãn hàng hóa khác nhau thì mỗi vi phạm đều bị xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06;

b) Giá trị hàng hóa vi phạm quy định tại Điều 23 Nghị định số 06 là giá trị của hàng hóa vi phạm về nhãn. Trường hợp vụ việc vi phạm hành chính có nhiều đơn vị hàng hóa có cùng vi phạm về nhãn hàng hóa thì giá trị hàng hóa vi phạm là giá trị của số hàng hóa có cùng vi phạm về nhãn hàng hóa;

c) Việc định giá hàng hóa vi phạm về nhãn để xác định mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 06 và hướng dẫn tại khoản 8 Mục I Thông tư này;